

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+BK20+BK3	7:25	15+0+7	0+0+0		8+0+14	0+0+0	chuyen 4 bk20-bk3
2		RP1+RC3+TD1	7:25	13+5+4	0+0+0		2+10+10	0+0+0	
3		VSP02+BK9+BK8	7:25	22+0+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	chuyen 2 bk9-bk8
4		TD2+RCDM+BK10	7:25	8+12+2	0+0+0		1+18+0	0+0+0	chuyen 1 td2-bk10
5		BK3+BK20+RC5	9:25	5+0+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 3 bk3-bk20
6		BK6+RP1	9:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
7		RC4+RC6+P2	9:25	9+5+8	0+0+0		7+6+5	0+0+0	
8		VSP02	11:25	22	0		21	0	
9		RP3	11:25	22	0		20	0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 nguoi RP2 về đi Rp3; 1 nguoi Rp3 đi về trong ngày



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RP3 - BK20 - BK3	CREW: Nam - M.Đức - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	VOEVODCHENKOV	RP3	74	1	5		90	KH-THAC	Russian
3	BUI VAN THANH	RP3	61	1	5	40	55	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI ANH SON	RP3	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TÂN CHÂU	RP3	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI NGỌC THIẾT	RP3	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ANH	RP3	65	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯỜNG VĂN THƯƠNG	RP3	71	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MINH	RP3	64	1	5		90	YTE	Vietnamese
11	LƯƠNG QUANG THƯƠNG	RP3	67	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH CÔNG	RP3	60	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHUOC LOC	RP3	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	BK3					78	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG THANH BÌNH	BK3	52-53	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HIẾU	BK3	96	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LÀNH	BK3	61	1	10	30	60	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH QUANG	BK3	54	1	5		50	XAYLAP	Vietnamese
20	HỒ VĂN DUYỆT	BK3	97,83	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUÂN	BK3	60,84	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN VAN HUNG	BK3	07,63	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	14	70	994	40	8		CHUYEN 04 PAX TU BK20 SANG BK3
2	BK20	0	0	0	0	0	0	4	
3	BK3	8	11	85	518	30	14		
TOTAL		22	25	155	1.512	70	22		
WEIGHT KG				155	1.512	70			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	TO: RP1 - RC3 - TD1	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROGHUEV	RP1	55	1	7		75	KH-THAC	Russian
2	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẦN CÔNG TOÀN	RP1	50	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	53	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH HIẾU	RP1	46	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
7	TẠO QUANG NGÂN	RP1					68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	48	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	51	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BẠC HÀ	RP1	54	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ BA TUÂN	RP1	47	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG HIẾU	RP1	52	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	49	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG HỮU VINH QUY	RC3	69	1	16		72	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN HOÀN	RC3	70-71	2	13		57	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM TIẾN CUÔNG	RC3	67	1	6	56	72	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RC3	68	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG TRUNG	RC3	66	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
19	KIỀU TUÂN ANH	TD1	41	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TUÂN	TD1	42	1	10	50	83	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ NGUYỄN HUY HOÀN	TD1	43-44	2	18	13	68	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH KIẾT	TD1	46	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	13	10	65	943	0	2		
2	RC3	5	6	53	351	56	10		
3	TD1	4	5	52	288	63	10		
TOTAL		22	21	170	1.582	119	22		
WEIGHT KG				170	1.582	119			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2023	TO: VSP02 - BK9 - BK8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - Vũ	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	28	1	5		65	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG LÂM	VSP02	19-20	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	23	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH TRƯỜNG PHI	VSP02	24	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	25	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	32	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	18	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	EDUARD YANDYAN	VSP02				27	88	KH-THAC	Russian
11	VLADISLAV GURIN	VSP02	15	1	6		105	KH-THAC	Russian
12	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	26	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	34	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					77	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	27	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	30-31	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	21	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	19	19	114	1.446	27	17		chuyen 02 pax bk9 sang bk8
2	BK9	0	0	0	0	25	0	2	
3	BK8	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		19	19	114	1.446	52	22		
WEIGHT KG				114	1.446	52			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2023	TO: TD2 - BK10 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - Vũ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ NGỌC BÈN	TD2	15	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC SƠN	TD2	19-20	2	14	42	71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ MINH HOANG	TD2	16	1	17	22	73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD2	18	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN TÂM	TD2	21	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ANH TUÂN	TD2	17	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGUYỄN	TD2	23	1	8		80	NIPI	Vietnamese
8	VŨ BAO THÀNH	TD2	82	1	6		82	NIPI	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH CƯỜNG	BK10	25-27	3	15		67	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ TRỌNG DUNG	BK10	28	1	15		62	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	84-85	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TỊ	RCDM	83	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	96	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KIỂM BÁC	RCDM	17,72	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU THO	RCDM	94	1	20		74	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	RCDM	95	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN KHANH	RCDM	13-14	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU QUANG	RCDM	97-98	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
19	CAO VĂN MẠNH	RCDM	11,98	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ ĐỨC THIÊN	RCDM	15-16	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN LÂM	RCDM	82,94	2	17		81	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	83	1	6		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	9	92	578	64	3	1	CHUYEN 1 PAX TD2-BK10
2	BK10	2	4	30	129	0	0		
3	RCDM	12	19	160	847	0	18		
TOTAL		22	32	282	1.554	64	21		
WEIGHT KG				282	1.554	64			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: BK3 - BK20 - RC5	CREW: Nam - M.Đức - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	BK3	19-20	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC THỂ	BK3	23	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐĂNG THANH	BK3	18	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ TIẾN PHÁT	BK3	21-22	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
5	KURPASOV	RC5	10	1	5		72	KH-THAC	Russian
6	TRỊNH VĂN TIẾN	RC5	17	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN NGỌC TUẤN	RC5	60	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TRUNG	RC5	18	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HOANG TUNG	RC5	11	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUẤN	RC5	15-16	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HA QUANG TRUNG	RC5	14	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH TUNG	RC5	03-04	2	12		80	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VĂN NAM	RC5	08	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN SƠN	RC5	09	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ NHẬT TÂM	RC5	02	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VĂN CHUNG	RC5	19-20	2	17	38	55	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN THIÊN	RC5	05	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẠO QUỐC HÙNG	RC5	12-13	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGO THANH NAM	RC5	06	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC THIÊN	RC5	07	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	6	60	269	0	0	3	CHUYEN 3 PAX BK3 SANG BK20
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	RC5	16	20	171	1.081	38	22		
TOTAL		20	26	231	1.350	38	22		
WEIGHT KG				231	1.350	38			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:10
FLIGHT: 6	TO: BK6 - RP1	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 12:00
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI KIEN ĐỨC	BK6	01-02	2	15		90	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN THANH CÔNG	RP1					62	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG THE ANH	RP1	66	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	67	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG ĐINH BA	RP1	70	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN THUY	RP1	64-65	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	63	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN SƯU	RP1	71	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO QUỐC UY	RP1	72-73	2	15	12	85	YTE	Vietnamese
10	LÊ VĂN VƯỢNG	RP1	69	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG HIỆP	RP1	68	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HUY	RP1	61-62	2	14		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGHIA	RP1	79-80	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC BÌNH	RP1	77-78	2	13		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VIẾT LỘC	RP1	81-82	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
16	HÀ XUÂN THANH	RP1	10,89	2	20	47	72	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM TUNG DUONG	RP1	75-76	2	13		76	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐO NHẬT QUI	RP1	83-84	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
19	THAI ĐOÀN BÌNH	RP1	45,85	2	20		80	NIPI	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LANG	RP1	57	1	10	13	65	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC THANH	RP1	59-60	2	10		55	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	1	2	15	90	0	0		
2	RP1	20	30	216	1.370	72	22		
TOTAL		21	32	231	1.460	72	22		
WEIGHT KG				231	1.460	72			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2023	TO: RC4 - RC6 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - VLinH - HIẾU	ETA: 14:05
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	79	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN TÙNG	RC4	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG MINH DUNG	RC4					75	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HAI ANH	RC4	82,85	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH THẮNG	RC4	80	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA LĨNH	RC4	81,84	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RC4	76-77	2	22		70	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI VĂN TUÔNG	RC4	83	1	7		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ ANH	RC6	25	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	22	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN TRƯỞNG	RC6	21	1	5	25	70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC LĨNH	RC6	20	1	4	20	85	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH KHOAN	RC6	23-24	2	10		56	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN CHÍ THÀNH	P2	94-95	2	15		54	XAYLAP	Vietnamese
15	TRƯƠNG QUANG HOAN	P2	96	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN CUÔNG	P2	97-98	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LƯU MẠNH TIẾN	P2	86	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
18	VÔ VĂN SƠN	P2	99,500	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN HÙNG	P2	88-89	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH NAM	P2	85	1	10	12	70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VINH THẢO	P2	92-93	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI QUANG ANH	P2	90-91	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	8	10	75	556	0	5		
2	RC6	5	6	30	360	45	6		
3	P2	9	15	127	561	12	11		
TOTAL		22	31	232	1.477	57	22		
WEIGHT KG				232	1.477	57			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: VSP02	CREW: VThắng - N.Cuong - DTùng	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN QUOC HOAN	VSP02	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	41	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG VIET THANH	VSP02	52	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	42	1	12		95	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THANH BINH	VSP02	36	1	5		85	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VU BA LINH	VSP02	53	1	4		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN HONG DUONG	VSP02	35	1	5		60	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC TIN	VSP02	62	1	6		60	PSV	Vietnamese
9	VU HOANG QUAN	VSP02	37	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN THANH MINH	VSP02	47	1	8		58	PSV	Vietnamese
11	LE MINH HUY	VSP02	44	1	7		72	PSV	Vietnamese
12	LUONG THANH DONG	VSP02	56	1	8		68	PSV	Vietnamese
13	PHAM QUOC TUAN	VSP02	55	1	7		55	BA SON	Vietnamese
14	LE DUAN	VSP02	39-40	2	5		55	BA SON	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUNG	VSP02	57-59	3	18		67	BA SON	Vietnamese
16	PHAM BA LAM	VSP02	61	1	10		60	BA SON	Vietnamese
17	TRAN NGOC PHONG	VSP02	51	1	10		70	BA SON	Vietnamese
18	TRAN VAN DUC	VSP02	60	1	5		63	BA SON	Vietnamese
19	PHAN VAN DANG	VSP02	49-50	2	17		70	BA SON	Vietnamese
20	DO VAN PHU	VSP02	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO DUC CHU	VSP02	38	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN VIET QUANG	VSP02	45-46	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	27	179	1.470	0	22		
TOTAL		22	27	179	1.470	0	22		
WEIGHT KG				179	1.470	0			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:30
FLIGHT: 9	TO: RP3	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 14:20
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG HAI	RP3					86	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DOAN THANH	RP3	05	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU THANG	RP3	13	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN HIEN	RP3	14-15	2	15		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN NHAC	RP3	11-12	2	12		72	BIEN DON	Vietnamese
6	DUONG PHUC HAU	RP3	09	1	10		63	BIEN DON	Vietnamese
7	TRUONG MINH THE	RP3	16-17	2	12		57	BIEN DON	Vietnamese
8	NGUYEN NAM LONG	RP3	04	1	12		77	BIEN DON	Vietnamese
9	HO SY PHUONG	RP3	08	1	10		69	BIEN DON	Vietnamese
10	DINH MANH SON	RP3	06	1	12		65	BIEN DON	Vietnamese
11	NGUYEN TU HAI	RP3	10	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG XUAN HUNG	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
13	LE DUC HUY	RP3	18	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	VU THANH LONG	RP3	400.01	2	12		95	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DUC OANH	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CONG	RP3	07	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM THE PHONG	RP3	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	DO DUY TIEN	RP3	19	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TAN PHONG	RP3	03	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN DUNG	RP3	21	1	12	70	53	CO DIEN	Vietnamese
21	NGUYEN DUY BAI	RP3	20	1	12	40	81	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	22	168	1.470	110	21		
TOTAL		21	22	168	1.470	110	21		
WEIGHT KG				168	1.470	110			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN